TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131 /*2019/HN - ST*
Ngày: *18 - 10 - 2019*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

2. Bà Nguyễn thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐXXST - HN ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967 (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Trần Mỹ N**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng trú tại: Số 213/11 ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2019 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Trần Mỹ N tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, và sống chung vào năm 1991. Anh và chị N có đến nơi thường trú lúc đó là UBND xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Anh và chị N sống chung đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, nghi ngờ lẫn nhau, chị N có bạo lực với anh, đánh anh phải nằm viện. Chị N còn nghi ngờ anh không chung thủy. Mâu thuẫn giữa anh và chị N ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Trần Mỹ N

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hải P, sinh ngày 20/6/1993, Nguyễn Hải Phương L, sinh ngày 21/4/1996 và Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007. Cháu P và L đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Do cháu Phương A có nguyện vọng sống cùng với chị N, nên khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Phương A cho chị N nuôi dưỡng. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phương Anh mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến cháu Phương A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn: Chị Trần Mỹ N trình bày:

Chị và anh H tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 1991. Chị và anh H có đến Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng giấy kết hôn do cất nhà bị thất lạc nên không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian đầu chị và anh Hải chung sống hạnh phúc , về sau anh H đi làm có quen với người phụ nữ khác bên ngoài, nên giữa chị và anh H có cãi vã. Chị N thừa nhận là do nóng tính, nên chị kêu anh Hải mở cửa phòng ra nhưng anh H không mở, vì vậy chị đập cửa phòng bể kiếng làm trúng anh H bị thương. Chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H, xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hải P, sinh ngày 20/6/1993, Nguyễn Hải Phương L, sinh ngày 21/4/1996 và Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007. Cháu P và L đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị N yêu cầu nuôi cháu Phương A yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Phương A mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức lấy lời khai đương sự quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 14, 15, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Trần Mỹ N là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007 cho chị Trần Mỹ N nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ vào năm 1991. Nhưng anh H và chị N không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa cũng đã có văn bản trả lời, trích lục sổ bộ gốc giấy kết hôn năm 1991 không có tên anh H, chị N; nên Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa không có cơ sở chấp trích lục bản sao giấy kết hôn theo yêu cầu của anh H.

Do anh Nguyễn Văn H và chị Trần Mỹ N sống chung với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên khi anh H có đơn yêu cầu ly hôn chị N, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Anh H và chị N không có đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị N yêu cầu đoàn tụ, Hội đồng xét xử không chấp nhận mà tiến hành xét xử và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị N.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007, cháu Phương A có nguyện vọng sống chung với chị N, Anh H cũng đồng ý giao cháu Phương A cho chị N nuôi dưỡng. Nên, Hội đồng xét xử giao cháu Phương Anh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, anh H cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của anh H và chị N.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh H và chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trần Mỹ N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007, cho chị Trần Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải Phương A, sinh ngày 03/10/2007 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phương Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Anh H và chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005196 ngày 06/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua.

Buộc anh Nguyễn Văn H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú